

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 04 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, chia tài sản khi ly hôn, hợp
đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Ông Trịnh Văn Bé

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thúy Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 691/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp LM1, xã LG, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp LM1, xã LG, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

3. ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Ngân hàng TMCP ĐC; địa chỉ: 22 NQ, quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền ông Thới Thành P; chức vụ: Giám đốc chi nhánh GD, phòng giao dịch Bà Chiêu; địa chỉ: 37 Lê Quang Đ, phường 14, quận BT, Thành Phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và ngày 03/06/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành, huyện C, tỉnh An Giang ngày 10/02/2014. Vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà T và ông Th không sống chung từ năm 2019 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoài L, sinh ngày 26/7/2014 hiện đang sống với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe ô tô hiệu HYUNDAI GRAND, biển kiểm soát 67A-097.80 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên. Khi ly hôn bà yêu cầu được sở hữu chiếc xe ô tô nêu trên.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam số tiền vốn và lãi phát sinh đến ngày 23/02/2021 là 198.331.000 đồng, bà T đồng ý cá nhân bà trả nợ Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu T về điều kiện, thời gian kết hôn, cũng như thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Ông Nguyễn Văn Th đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoài L, sinh ngày 26/7/2014, khi ly hôn ông Th đồng ý giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe ô tô hiệu HYUNDAI GRAND, biển kiểm soát 67A-097.80 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên. Khi ly hôn ông Th đồng ý giao giá trị tài sản chung của ông Th cho bà T được quyền sở hữu, ông Th không tranh chấp về tài sản chung với bà T.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam số tiền vốn và lãi phát sinh đến ngày 23/02/2021 là 198.331.000 đồng, ông Th đã giao toàn bộ giá trị tài sản chung của ông cho bà T nên bà T có thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam trình bày: vào ngày 18/02/2019 ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T có ký hợp đồng vay với Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam với số tiền 280.000.000 đồng, mục đích mua xe ô tô, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất 8,99%/năm, hình thức thanh toán trả góp vốn và lãi phát sinh hàng tháng, có hợp đồng thế chấp xe ô tô ô tô hiệu HYUNDAI GRAND, biển kiểm soát 67A-097.80 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên. Nay ông Th và bà T ly hôn thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam yêu cầu ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền còn vốn và lãi phát sinh đến ngày 23/02/2021 là 198.331.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Ông Nguyễn Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Thới Thành P đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Th kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiến Thành, huyện C, tỉnh An Giang, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, ông Th và bà T thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của cho bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoài L, sinh ngày 26/7/2014, khi ly hôn ông Th đồng ý giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và ý kiến con chung có nguyện vọng sống với bà T, sự thỏa thuận nuôi con chung phù hợp với nguyện vọng của con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận về tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị Thu T với ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Thu T được sở hữu xe ô tô hiệu HYUNDAI GRAND, biển kiểm soát 67A-097.80 do ông Nguyễn Văn Th

đứng tên. Bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sở hữu biên kiểm soát 67A-097.80 theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Th cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam số tiền là 198.331.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn với ông Nguyễn Văn Th. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông Th và bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền đối với hợp đồng vay tài sản nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã LG, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn Th, Thới Thành P có đơn xin xét xử vắng mặt, được quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Th và Thới Thành P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Th đi đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn giữa ông Th và bà T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, và hiện tại vợ chồng đã không sống chung với nhau, ông Th và bà T không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Th mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt và việc thuận tình ly hôn giữa bà T và ông Th là

hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Th theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoài L, sinh ngày 26/7/2014, khi ly hôn ông Th đồng ý giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và ý kiến con chung có nguyện vọng sống với bà T, sự thỏa thuận nuôi con chung phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử giao cho Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: 01 xe ô tô hiệu HYUNDAI GRAND, biển kiểm soát 67A-097.80 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên. Ông Nguyễn Văn Th tự nguyện giao giá trị tài sản chung của ông cho bà Nguyễn Thị Thu T được sở hữu, ông Th không tranh chấp về tài sản chung với bà T. Nên, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về tài sản chung giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn Th giao cho bà Nguyễn Thị Thu T được sở hữu xe ô tô hiệu HYUNDAI GRAND, biển kiểm soát 67A-097.80 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên chủ sở hữu. Bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sở hữu xe biển kiểm soát 67A-097.80 theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T thống nhất nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam số tiền tính đến ngày 23/02/2021 tổng cộng là 198.331.000 đồng, vay mua xe ô tô Hyundai Grand trả góp hàng tháng, do nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam số tiền là 198.331.000 đồng. Đồng thời, buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số 1802/2019/HĐTD/PVB-CN.BC, ngày 18/02/2019 cho đến khi thi hành án xong.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Nguyễn Thị Thu T đã tạm ứng 500.000 đồng, số tiền này bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam là 9.917.000 đồng nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0008958 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Như vậy,

ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.417.000 đồng.

Hoàn lại 4.466.000 đồng tiền tạm ứng phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam theo biên lai thu số 0006119, ngày 26/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; 28, 35, khoản 1 Điều 227; 147, 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463; 466; Điều 468; Điều 288 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 10 tháng 02 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Th không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoài L, sinh ngày 26/7/2014, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận về tài sản chung giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn Th giao cho bà Nguyễn Thị Thu T được sở hữu xe ô tô hiệu HYUNDAI GRAND, biển kiểm soát 67A-097.80 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên chủ sở hữu. Bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sở hữu xe biển kiểm soát 67A-097.80 theo quy định của pháp luật.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Th cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam số tiền là 198.331.000 đồng. Đồng thời, buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận theo hợp

đồng cho vay số 1802/2019/HĐTD/PVB-CN.BC, ngày 18/02/2019 cho đến khi thi hành án xong.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Nguyễn Thị Thu T đã tạm ứng 500.000 đồng, số tiền này bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.917.000 đồng nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0008958 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Như vậy, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thu T còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.417.000 đồng.

Hoàn lại 4.466.000 đồng tiền tạm ứng phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam theo biên lai thu số 0006119, ngày 26/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu